

MỤC LỤC - CONTENTS

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI - RESEARCH & DISCUSSION

- 3 Vũ Thị Cẩm Tú:** Mở rộng tiếp cận kiểm định chương trình đào tạo hướng đến phát triển giáo dục đại học bền vững – Expanding access to program accreditation towards sustainable higher education development.
- 9 Đinh Thị Cẩm Tú:** Giáo dục Lý luận chính trị góp phần đào tạo sinh viên vừa hồng vừa chuyên theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam hiện nay – Political theory education contributing to the training of students who are both virtuous and competent according to Ho Chi Minh's thought at the Vietnam University Of Traditional Medicine & Pharmacy today.
- 14 Phí Công Mạnh:** Đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên năm thứ hai ngành Cơ điện tử, Khoa Cơ điện tử, Trường Cơ khí – Ô tô, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội – Assessment of scientific research ability of second-year students in Mechatronics, Faculty of Mechanical Electronics, School of Mechanical and Automotive Engineering, Hanoi University of Industry.
- 19 Vũ Thị Nguyệt:** Cơ sở lý luận về kĩ năng nhận thức bản thân của sinh viên hiện nay – Theoretical foundations of self-awareness skills among university students today.
- 25 Phạm Thị Kiệm:** Yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên năm thứ ba ngành Quản trị văn phòng, Khoa Quản trị, Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội – Factors affecting the learning motivation of third-year students in Office Management, Faculty of Management, School of Economics, Hanoi University of Industry.
- 30 Trịnh Chí Thâm – Nguyễn Thị Ngọc Phúc:** Một số phương pháp và công cụ được dùng trong kiểm tra – đánh giá kết quả học tập – Selected methods and tools used in assessing learning outcomes.
- 35 Nguyễn Thị Ngọc Thanh:** Giữ vững lập trường cách mạng trong tiến trình tinh gọn bộ máy Nhà nước – Maintaining the revolutionary position in the process of streamlined state apparatus.
- 41 Lê Thị Thảo:** Nhận diện và đối mặt với tham nhũng tinh thần – Rào cản chính trong bảo vệ và củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng - Identifying and confronting spiritual corruption – the main barrier in protecting and strengthening the Party's ideological foundation.
- 47 Trương Văn Thuận:** Nghiên cứu phát triển thuật toán điều khiển dự đoán cho hệ thống phanh khẩn cấp trên xe điện – A study on the development of a model predictive control algorithm for emergency braking systems in electric vehicles.
- 52 Lê Anh Tuấn:** Nghiên cứu kỹ năng hoạt động nhóm trong học tập của sinh viên ngành Cơ điện tử, Khoa Cơ điện tử, Trường Cơ khí – Ô tô, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội – Research on teamwork skills in the study process of Mechatronics students, Faculty of Mechatronics, School of Mechanical Engineering – Automotive, Hanoi University of Industry.
- 57 Cao Thị Thu Hằng – Dư Thị Tuyết:** Nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh – Improving the effectiveness of AI application in teaching political theory subjects at the University of Finance and Business Administration.
- 62 Dương Đức Lợi – Trần Phạm Thùy Dương – Nguyễn Sanh Tài:** Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng mô hình dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” theo hướng tiếp cận mới cho học sinh lớp 2 – Current situation and solutions to improve the effectiveness of using the teaching model on the topic “Human and health” according to a new approach for grade 2 students.
- 69 Đặng Vũ Hoài Nhân – Tất Thiên Thư - Lê Xuân Mai - Nguyễn Trung Cang:** Để tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai: Bài học chính sách và thực tiễn từ Singapore – Making English a second language: Policy and practical lessons from Singapore.
- 74 Khuất Hồng Thuận – Nguyễn Mạnh Tiến – Lý Thị Minh:** Một số biện pháp dạy học ở Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ góp phần đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch – Teaching measures at Phu Tho Provincial School of Politics to contribute to the struggle against and criticism of misguided viewpoints.
- 80 Đỗ Thị Thanh:** Nghiên cứu năng lực giao tiếp của sinh viên Khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội – Research on communication ability of students of Faculty of Garment Technology and Fashion Design, Hanoi University of Industry.
- 86 Hồ Thị Phương:** Nhu cầu tham vấn tâm lý của sinh viên Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp – Psychological consultation needs of students of University of Economics and Technology.
- 91 Vũ Thảo Nguyên – Trương Trọng Hòa – Nguyễn Vũ Khoa – Trịnh An Phúc:** Sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập của học sinh phổ thông – Artificial intelligence tools in the learning process of secondary school pupils.
- 98 Lê Hoàng Tuấn – Lê Anh Vũ:** Nhận thức về giới của học sinh lớp 5 tại Trường Tiểu học C Tấn Mỹ, xã Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang – Gender awareness of grade 5 students at C Tan My Primary School, Cu Lao Gieng Commune, An Giang Province.
- 105 Phạm Ngọc Quân:** Biện pháp giáo dục hành vi cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ lứa tuổi mẫu giáo – Kết quả nghiên cứu trường hợp – Measures for behavior education of preschool children with autism spectrum disorders – a case study result.
- 111 Lê Thị Dung – Lê Thị Bích:** Giáo dục tình cảm thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo thông qua tác phẩm nghệ thuật tạo hình truyền thống – Aesthetic emotional education for preschool children through traditional visual arts.
- 117 Nguyễn Thị Thúy – Nguyễn Thúy Hiền:** Kỹ năng xã hội và biện pháp giáo dục thông qua trải nghiệm cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi tại phường Trà Vinh – Social skills and experiential education measures for 5–6-year-old preschool children in Tra Vinh ward.
- 123 Trần Văn Hải – Trần Thị Văn Anh – Nguyễn Thị Vũ Nhi:** Áp dụng các phương pháp có chứng cứ vào can thiệp hành vi cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ từ 1–5 tuổi tại các trung tâm can thiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh – Applying evidence-based methods in behavioral intervention for children with autism spectrum disorder from 1 to 5 years old at intervention centers in Ho Chi Minh City.
- 128 Đào Thị Mai – Phạm Thị Gấm – Đặng Minh An – Phạm Bạch Dương – Hoàng Tiến Đạt:** Nhận thức của sinh viên Trường Đại học Hải Phòng về rối loạn sức khỏe tâm thần – Students' awareness of mental health disorders at Hai Phong University.
- 132 Nguyễn Anh Kiệt:** Phát huy vai trò tư duy phản biện trong dạy học môn Giáo dục chính trị tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh – Promoting the role of critical thinking in teaching Political Education at Ly Tu Trong College, Ho Chi Minh City.
- 138 Nguyễn Thị Khánh Đoàn – Phan Ngọc Tường Vy – Bùi Nhã Quyền – Huỳnh Văn Hiến:** Kinh nghiệm từ chương trình giáo dục phổ thông của ba quốc gia hải đảo Đông Nam Á: Singapore, Malaysia và Indonesia – Lessons from the general education programs of three Southeast Asian island nations: Singapore, Malaysia, and Indonesia.
- 143 Hồ Thị Phương:** Ảnh hưởng của mạng xã hội đến kết quả học tập các môn chính trị của sinh viên Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp – The impact of social media on students' academic performance in political subjects at the University of Economics – Technology for Industries.
- 148 Đào Thị Thuận:** Kỹ năng ứng phó với khó khăn trong tự học của sinh viên năm thứ nhất ngành Quản trị văn phòng, Khoa Quản trị, Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội – Research on skills to cope with difficulties in self-study of first-year students of Office Management, Faculty of Management, School of Economics, Hanoi University of Industry.

- 153 Nguyễn Xuân Chiến – Nông Hạnh Phúc – Đặng Thị Khuyên – Lê Đức Nam:** Giáo dục giá trị thị hiếu thẩm mỹ cho sinh viên Sư phạm Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai trong giai đoạn mới – Education of aesthetic values for Pedagogy students of Thai Nguyen University branch in Lao Cai province in the new period.
- 160 Nguyễn Thành Luân:** Một số biện pháp nâng cao hiệu quả tập luyện môn Bơi lội cho học viên Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I – Some measures to improve the effectiveness of swimming training for students of People's Security College I.
- 165 Nguyễn Hữu Phong:** Giải pháp nâng cao hiệu quả tập luyện thể thao ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một – Improving the effectiveness of extracurricular sports training for students at Thu Dau Mot University.
- 169 Đỗ Thị Thùy Linh:** Nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên đại học, cao đẳng – Improving the quality of extracurricular sports activities for college and university students.
- 174 Nguyễn Thị Minh Tâm:** Nghiên cứu kỹ năng sống của sinh viên Khoa Công nghệ Hóa, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội – Research on life skills of students of Chemical Technology Faculty, Hanoi University of Industry.
- 180 Nguyễn Thanh Việt:** Vai trò của ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học trong thời đại Công nghiệp 4.0 – The role of Chemical Engineering Technology in the Industry 4.0 era.
- 186 Vũ Kiều Oanh – Trần Thị Thanh:** Một số vấn đề về đạo đức trí tuệ nhân tạo – Some ethical issues of artificial intelligence.
- 191 Lê Hồng Lam:** Đánh giá hiệu quả của phần mềm mô phỏng Proteus trong dạy học tích hợp khối ngành Điện – Điện tử trong bối cảnh chuyển đổi số – Evaluating the effectiveness of Proteus simulation software in integrated teaching for Electrical and Electronics Engineering in the context of digital transformation.
- 197 Hoàng Phương Thảo – Phạm Thị Huyền:** Phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên Trường Đại học Hà Nội: Thực trạng và định hướng – Developing information technology application skills for students at Hanoi University: Current situation and orientation.
- 203 Vũ Thị Bích Hải – Vũ Phương Lan:** Một số vấn đề về sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên thuộc nhóm thiểu số tính dục: Tổng quan nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam – Mental health issues among sexual minority adolescents: a review of global and Vietnamese studies.
- 208 Trần Văn Đồng – Trần Quang Thịnh – Đinh Công Quý:** Nâng cao hoạt động phong trào thể dục thể thao cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định – Improving sports movement activities for students of Nam Dinh University of Technology Education.
- 213 Dương Thị Hồng An:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế hoạt động học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin cho sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên – Application of artificial intelligence in designing english vocabulary learning activities for information technology majority for first-year students at the university of information technology and communications - thai nguyen university.
- 217 Nguyễn Thị Tuyết Anh:** Sử dụng tranh biếm họa trong dạy học đọc hiểu môn Ngữ văn ở trường trung học phổ thông – Using cartoons in teaching reading comprehension in upper-secondary schools.
- 221 Nguyễn Thái Nhạn:** Pháp luật lao động đối với doanh nghiệp siêu nhỏ tại Việt Nam – Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện – Labour law for micro-small enterprises in Vietnam – current situation and some recommendations for improvement.
- 226 Trần Hữu Tiến – Huỳnh Trung Hậu:** Quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng về kiểm soát xung đột lợi ích – Những vấn đề lý luận và kiến nghị hoàn thiện – Regulations of anti-corruption law on conflict of interest control – theoretical issues and recommendations for improvement.
- 232 Nguyễn Lan Nguyên:** Tiếp tục hoàn thiện pháp luật Việt Nam trên cơ sở tham khảo pháp luật khu vực về phòng, chống bạo lực trẻ em – Improving Vietnamese law through regional legal references on child violence prevention and combat.
- 237 Đỗ Thị Hoài Hương:** Một số giải pháp tăng cường pháp chế trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay – Solutions on strengthening the legal system in establishing and perfecting the socialist rule of law state in Vietnam.
- 242 Đỗ Thu Hương:** “Thỏa thuận Xanh” theo quy định của EU – Hàng rào phi thuế quan mới và các vấn đề đặt ra với xuất khẩu của Việt Nam – The European Green Deal under EU regulations – a new non-tariff barrier and emerging issues for Vietnam's exports.
- 249 Nguyễn Thị Lan:** Thúc đẩy cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại điện tử bằng phương thức trọng tài trực tuyến – Promoting the mechanism of resolving e-commerce disputes through online arbitration.
- 253 Trần Huyền Kim:** Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện cơ chế định giá tài sản góp vốn thành lập công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp – Current situation and proposal to complete the mechanism for valuation of assets contributed to the establishment of partnerships according to the Enterprise Law.
- 258 Phạm Đỗ Phương Thảo:** Giải pháp hoàn thiện pháp luật về tội mua bán trái phép chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam – Legal solutions for improving the regulation of illegal drug trafficking under Vietnamese criminal law.
- 263 Nguyễn Thùy Dung:** Pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng thời kì hôn nhân trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 – The law on division of marital property during marriage in the context of the Fourth Industrial Revolution.
- 269 Nguyễn Thị Minh Anh:** Thẩm quyền dân sự của Tòa án nhân dân khu vực theo mô hình Tòa án ba cấp ở Việt Nam – Civil jurisdiction of regional people's courts under the three-level court model in Vietnam.
- 273 Ngô Thùy Dung:** “Công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân” đối với thành phố thông minh bền vững – Nhìn từ góc độ Luật Hiến pháp – “Recognizing, respecting, protecting, and guaranteeing human rights and citizen rights” in the smart sustainable city – from the Constitutional Law perspective.
- 279 Trần Huyền Kim:** Pháp luật Việt Nam về tài sản góp vốn thành lập công ty hợp danh – Vietnamese law on assets contributed to the establishment of a partnership.
- 284 Hoàng Khánh Chi – Ngô Thị Mai:** Kiểm soát xã hội đối với hoạt động xử phạt vi phạm hành chính: Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện – Social control over administrative sanctions: current situation and recommendations for improvement.
- 290 Lê Vĩnh Sơn:** Loạn quảng cáo thực phẩm chức năng: Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật – Chaos of functional food advertising: current situation and recommendations for improving the law.
- 295 Hoàng Thị Khánh Hoàn:** Nâng cao hiệu quả xử lý tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy – Nhìn từ thực tiễn tại Hà Nội – Improving the effectiveness of handling crimes of violations of regulations on fire prevention and fighting – a practical perspective in Hanoi.
- 301 Vũ Tiến Sang:** Pháp luật về quản lí và sử dụng đất công ích qua thực tiễn tại tỉnh Nam Định – Law on management and use of public land through practice in Nam Dinh province.
- 307 Phan Đức Nam:** Liên kết sản xuất lúa gạo của nông dân tỉnh Thái Bình: Thực trạng và giải pháp – Rice production linkage of farmers in Thai Binh province: current status and solutions.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG MÔ HÌNH DẠY HỌC CHỦ ĐỀ “CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE” THEO HƯỚNG TIẾP CẬN MỚI CHO HỌC SINH LỚP 2

DƯƠNG ĐỨC LỢI

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế
TRẦN PHẠM THÙY DƯƠNG

SV Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế
NGUYỄN SANH TÀI

Trường Trung học phổ thông Hóa Châu, thành phố Huế

Nhận bài ngày 20/6/2025. Sửa chữa xong 12/7/2025. Duyệt đăng 20/7/2025.

Abstract

This article aims to assess the current situation, analyze the difficulties encountered, and propose solutions to enhance the effectiveness of using teaching models for grade 2 students. It also highlights the role of models not only as visual tools but also as instruments that support cognitive development, teaching, and information transmission. These models contribute to helping students access and acquire knowledge more easily, vividly, and effectively within the topic "Human and health."

Keywords: Model, people, health, grade 2, primary school.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc nâng cao chất lượng giảng dạy và phát triển toàn diện năng lực học sinh (HS) trở thành yêu cầu cấp thiết. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đặc biệt nhấn mạnh vai trò của giáo viên (GV) trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính chủ động, năng lực và phẩm chất cá nhân của HS. Một trong những hướng tiếp cận hiệu quả là sử dụng mô hình trong dạy học, góp phần đổi mới phương pháp truyền thống theo hướng tích cực và thực tiễn hơn. Đối với HS lớp 2 – lứa tuổi tư duy trực quan cụ thể và học qua trải nghiệm – mô hình trực quan là công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc tiếp cận kiến thức. Trong môn Tự nhiên và Xã hội, chủ đề “Con người và sức khỏe” giữ vai trò quan trọng, giúp HS hình thành những hiểu biết ban đầu về cơ thể, chăm sóc sức khỏe và rèn luyện thói quen sinh hoạt lành mạnh. Việc giáo dục sớm những kiến thức và kỹ năng này góp phần phát triển toàn diện thể chất và tinh thần, tạo nền tảng cho học tập và cuộc sống sau này. Sử dụng mô hình trong dạy học không chỉ giúp HS dễ quan sát, hình dung nội dung bài học mà còn khơi gợi hứng thú học tập, phát triển tư duy, khả năng thực hành và ghi nhớ hiệu quả. Đồng thời, mô hình còn là phương tiện trực quan hỗ trợ GV truyền đạt kiến thức sinh động, phù hợp với nguyên tắc giáo dục tiểu học: học qua chơi, hoạt động và tương tác. Đây cũng là một trong những định hướng quan trọng của giáo dục thế kỷ 21 [1], nhấn mạnh việc tích hợp nội dung, phương pháp sư phạm và công nghệ để nâng cao kỹ năng tư duy và trải nghiệm học tập. Bài báo này nhằm đánh giá thực trạng, phân tích những khó khăn, hạn chế trong việc sử dụng mô hình dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe”, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng mô hình trong dạy học ở cấp tiểu học tại thành phố Huế.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nội dung nghiên cứu

Các nội dung và hình thức sử dụng mô hình trong giảng dạy chủ đề “Con người và sức khỏe” đối

Email: duongducloi@dhsphue.edu.vn

với HS lớp 2. Tìm hiểu thực trạng và đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng mô hình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết để tiến hành tổng hợp và phân tích các tài liệu liên quan đến việc nâng cao chất lượng giáo dục và các tài liệu để xây dựng cơ sở lý luận của việc sử dụng mô hình trong giảng dạy chủ đề “Con người và sức khỏe” đối với HS lớp 2.

Phương pháp thực nghiệm sư phạm được sử dụng bằng cách tổ chức dạy học, quan sát, ghi chép, chụp ảnh các tiết dạy có sử dụng mô hình trong giảng dạy chủ đề “Con người và sức khỏe” đối với HS lớp 2 và sử dụng phiếu điều tra GV, HS tại trường Tiểu học số 1 Thuận An, thành phố Huế.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Một số khái niệm phân loại mô hình trong dạy học

Khái niệm về mô hình trong dạy học: Mô hình dạy học với tư cách là phương tiện trực quan giúp người học tiếp cận bản chất đối tượng học tập qua việc mô phỏng hoặc biểu diễn những đặc trưng cơ bản của nó [4]. Mục đích của mô hình là giúp HS dễ dàng quan sát, tìm hiểu, phân tích và tiếp cận kiến thức một cách cụ thể, sinh động và hiệu quả hơn. Mô hình đóng vai trò như “cầu nối” giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, giúp HS hình dung được những kiến thức khó, phức tạp hoặc những nội dung không dễ quan sát trực tiếp.

Tùy vào đặc điểm, hình thức và công nghệ sử dụng, mô hình trong dạy học có thể được chia thành các loại phổ biến sau:

Mô hình vật lý (Mô hình trực quan): Là những mô hình được làm từ các vật liệu cụ thể như nhựa, gỗ, giấy, cao su, kim loại... Thường dùng để mô phỏng các bộ phận cơ thể người, cấu tạo sinh học, đồ vật, thiết bị, quá trình... như các mô hình: cơ thể người; bộ xương; hệ tiêu hóa; răng miệng.

Mô hình số hoá (Mô hình 2D, 3D trên máy tính): Là các mô hình được thiết kế dưới dạng hình ảnh, video, sơ đồ, phần mềm, ứng dụng học tập trên thiết bị điện tử.

Giúp HS quan sát được hình ảnh động, phóng to – thu nhỏ, xem cấu tạo bên trong... như: Mô hình 3D hệ tuần hoàn trên phần mềm; Hình ảnh minh hoạ cấu tạo răng, hệ tiêu hóa trên màn hình

Mô hình thực tế ảo (VR – Virtual Reality, AR – Augmented Reality): Là mô hình ứng dụng công nghệ thực tế ảo hoặc thực tế tăng cường. HS có thể trải nghiệm không gian, quan sát đối tượng từ nhiều góc độ, tương tác trực tiếp qua kính VR hoặc phần mềm AR. Ví dụ như: Quan sát cơ thể người qua kính thực tế ảo; Khám phá hành trình thức ăn trong cơ thể bằng mô hình AR.

Mô hình kết hợp (Hybrid Model): Kết hợp giữa mô hình vật lý với mô hình số hoá hoặc thực tế ảo để tăng hiệu quả giảng dạy. Vừa có thể quan sát trực tiếp, vừa có thể xem minh hoạ chi tiết trên màn hình, ví dụ như: Mô hình bộ xương thật kết hợp video minh hoạ cấu tạo xương khớp.

3.2. Đặc điểm môn học và hướng tiếp cận mới trong sử dụng mô hình ở lớp 2 hiện nay

3.2.1. Đặc điểm môn học

Việc sử dụng mô hình trong giảng dạy chủ đề “Con người và sức khỏe” có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học. Thông qua mô hình, các kiến thức về cấu tạo cơ thể, chức năng các cơ quan, quá trình hoạt động sinh lý cũng như các biện pháp bảo vệ sức khỏe được thể hiện một cách trực quan, sinh động và dễ hiểu. Phương pháp này giúp HS dễ dàng quan sát, hình dung, phân tích và liên hệ với thực tiễn đời sống. Đồng thời, việc sử dụng mô hình còn kích thích hứng thú học tập, phát triển tư duy logic, khả năng quan sát và kỹ năng thực hành của HS. Đây là công cụ hỗ trợ đắc lực cho GV trong việc truyền đạt những nội dung phức tạp, trừu tượng, đặc biệt là các kiến thức liên quan đến cơ thể con người - những nội dung khó tiếp cận bằng quan sát thực tế trong lớp học.

Học qua trải nghiệm (Experiential Learning) và mô hình hóa kiến thức (Knowledge Modeling) là những định hướng giáo dục hiện đại, nhấn mạnh vai trò chủ động của người học trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Theo lý thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb (1984), việc học tập hiệu quả nhất diễn ra khi người học được tham gia trực tiếp vào các hoạt động, quan sát, phân tích và rút ra kiến thức từ trải nghiệm thực tiễn [6].

Trong đó, việc sử dụng mô hình trong giảng dạy được xem là một hình thức mô phỏng, tái hiện lại đối tượng, hiện tượng hoặc quá trình cần nghiên cứu, giúp HS hình dung rõ ràng, dễ tiếp cận và ghi nhớ kiến thức. Hoạt động này không chỉ giúp người học phát triển khả năng tư duy, quan sát và vận dụng kiến thức, mà còn đáp ứng yêu cầu chuyển từ học thụ động sang học tích cực, lấy người học làm trung tâm - một trong những định hướng quan trọng của lý thuyết kiến tạo (Constructivism) trong giáo dục, mô tả cách thức tổ chức và trình bày kiến thức giúp người học dễ dàng tiếp thu [5].

3.2.2. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn chương trình giáo dục tiểu học

Phân tích mục tiêu, cấu trúc, nội dung chủ đề con người và sức khỏe, môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 để từ đó xác định nội dung kiến thức, các hình thức sử dụng các loại mô hình và mạch nội dung giảng dạy phù hợp. Chúng tôi tìm hiểu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [2], Sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội [7] và khảo sát thực trạng về nhận thức của HS lớp 2, bao gồm các nội dung:

- Nhận biết và thực hiện đúng tư thế đi, đứng, ngồi, mang cặp để phòng tránh cong vẹo cột sống.
- Hiểu được tầm quan trọng của việc hít thở đúng cách và tránh môi trường có khói bụi để bảo vệ hệ hô hấp.
- Nhận thức được sự cần thiết của việc uống đủ nước và không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận [2].

3.2.3. Hướng tiếp cận mới trong sử dụng mô hình ở lớp 2

Trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm của môn học, nghiên cứu các cơ sở thực tiễn để từ đó chúng tôi rút ra một số hướng tiếp cận trong sử dụng mô hình như sau:

Lấy HS làm trung tâm, trong quá trình dạy học HS được quan sát, chạm vào, tháo, lắp ráp các loại mô hình.

Tăng cường tính tương tác với mô hình, mô hình có thể kèm hoạt động vận động, vui chơi như hoạt động lắp ghép, đồ vui, thực hành vệ sinh.

Tích hợp liên môn, trong dạy học với mô hình, GV thường kết hợp giữa khoa học – đạo đức – kỹ năng sống để mở rộng hiểu biết và phát triển các năng lực cần thiết cho HS.

Sử dụng công nghệ (nếu có), GV sử dụng mô hình kết hợp với video minh họa, AR/VR, slide tương tác.

Tạo tình huống thực tiễn, ví dụ GV dùng mô hình bộ răng để hướng dẫn cách chải răng đúng cách.

3.3. Khảo sát thực trạng sử dụng mô hình trong dạy học trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 hiện nay

Để tìm hiểu thực trạng sử dụng mô hình dạy học, chúng tôi triển khai nghiên cứu theo hai hướng chính: 1) Khảo sát nhu cầu, mức độ yêu thích của HS và GV đối với việc sử dụng mô hình trong dạy học; 2) Thiết kế và thực nghiệm dạy học sử dụng mô hình trong chủ đề “Con người và sức khỏe”. Thực nghiệm được tiến hành tại Trường Tiểu học số 1 Thuận An nhằm rút ra các kết quả, kinh nghiệm cần thiết, từ đó đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện quá trình dạy học.

Để tổ chức một tiết dạy có sử dụng mô hình đạt hiệu quả đối với chủ đề “Con người và sức khỏe”, chúng tôi đã xây dựng Kế hoạch bài dạy dựa trên các bước hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của GV tại cơ sở giáo dục tiểu học [3]. Các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học.

Bước 2: Lựa chọn mô hình phù hợp với nội dung bài học.

Bước 3: Thiết kế các hoạt động dạy học, lồng ghép hoạt động sử dụng mô hình.

Bước 4: Tổ chức thực hiện hoạt động dạy học trên lớp.

Bước 5: Đánh giá, điều chỉnh sau bài dạy nhằm hoàn thiện kế hoạch dạy học cho các lần thực hiện tiếp theo.

Trên cơ sở thiết kế bài dạy và thực nghiệm giảng dạy tại Trường Tiểu học Thuận An 1, thành phố Huế chúng tôi đề xuất một số mô hình và hoạt động hướng tiếp cận mới khi sử dụng mô hình trong giảng dạy chủ đề “Con người và sức khỏe” để tăng mức độ hứng thú và tăng khả năng hiểu bài của HS:

- Sử dụng mô hình cơ thể người tháo lắp: HS nhận biết vị trí các cơ quan.
- Lập trạm kiểm tra sức khỏe: HS đo chiều cao, cân nặng, phân tích qua biểu đồ.
- Thiết kế các trò chơi “bác sĩ nhí”: đóng vai xử lý các tình huống bệnh lý nhẹ.
- Sử dụng bộ đồ chơi dạy cách rửa tay đúng quy trình 6 bước.
- Thiết kế trò chơi hộp bí mật các loại thực phẩm: phân loại thực phẩm tốt/xấu cho sức khỏe.

Bên cạnh đó, chúng tôi sử dụng phiếu điều tra khảo sát thực trạng về dạy học sử dụng mô hình trên 29 GV và 120 HS lớp 2 của Trường Tiểu học Thuận An 1 thu được kết quả khảo sát thể hiện như sau:

Khảo sát đối với HS:

Về mức độ yêu thích của HS đối với việc học bằng mô hình, chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên 120 HS với nội dung liên quan đến chủ đề “Con người và sức khỏe”. Kết quả thu thập và xử lý số liệu được trình bày ở hình 1A. Theo đó, có 84,74% HS cho rằng các tiết học bằng mô hình rất thú vị, 26,22% HS đánh giá bình thường và 5,4% HS cho rằng không thích hoặc ít thích hình thức học này. Như vậy, vẫn còn 25,26% HS chưa thực sự hứng thú với việc học bằng mô hình.

Về mức độ hiểu bài của HS khi được học với mô hình, kết quả khảo sát được thể hiện ở Hình 1. Có 72,6% HS nhận xét rằng học bằng mô hình giúp các em hiểu bài rất dễ dàng; 46,38% cho biết chỉ hiểu một phần; trong khi đó, chỉ 2,2% HS cho rằng việc học bằng mô hình không giúp ích cho việc tiếp thu bài.

Nhận xét: Qua khảo sát HS chúng tôi nhận thấy đa số HS yêu thích học bằng mô hình, mô hình cho hình ảnh trực quan và dễ hiểu, nhớ bài học. Tuy nhiên, còn một bộ phận HS không yêu thích học

bằng mô hình do các quan ngại khác nhau hoặc do không thích nghi với việc học bằng mô hình hoặc phương pháp dạy bằng mô hình chưa thực sự hấp dẫn. Và kết quả cũng cho thấy vẫn còn rất nhiều GV không sử dụng mô hình trong dạy học. Qua quan sát các tiết dạy sử dụng mô hình, chúng tôi nhận thấy một số ưu điểm nổi bật của phương pháp này như: HS thể hiện sự hứng thú cao, dễ dàng tiếp nhận kiến thức về cơ thể người, các biện pháp phòng tránh bệnh tật,...

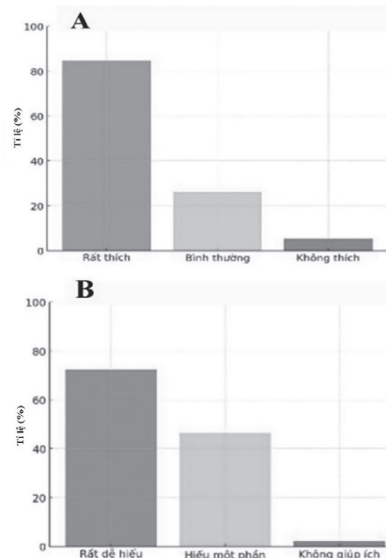
Khảo sát đối với GV:

Khảo sát bằng phiếu điều tra trên 29 GV đang giảng dạy ở Trường Tiểu học số 1 Thuận An, kết quả thu được ở hình 1 như sau:

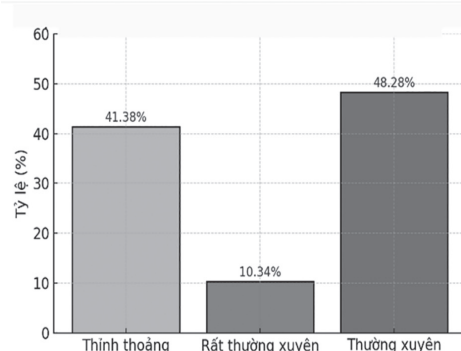
Về mức độ sử dụng mô hình trong dạy học, chúng tôi thu được kết quả khảo sát ở hình 2.

Qua hình 2 chúng tôi nhận thấy, GV rất thường xuyên sử dụng mô hình có 3 người (tương ứng với tỷ lệ 10,34 %), thường xuyên sử dụng mô hình là 14 người (48,3 %) và thỉnh thoảng mới sử dụng mô hình có 12 người (41,4 %). Điều này cho thấy rằng số lượng GV thỉnh thoảng mới sử dụng mô hình dạy học còn chiếm tỷ lệ khá cao, với nhiều nguyên nhân khác nhau.

Về mức độ hiệu quả trong dạy học bằng mô hình, GV đánh giá rất cao về việc sử dụng mô hình trong



Hình 1: A. Mức độ yêu thích của HS khi học bằng mô hình, B. Mức độ hiểu bài của HS khi được học với mô hình



Hình 2: Mức độ sử dụng mô hình khi giảng dạy của GV ở Trường Tiểu học số 1 Thuận An

dạy học, có đến 12 GV (tương ứng với tỉ lệ 41,4 %), đánh giá rất hiệu quả và 17 GV (58,6 %) đánh giá là hiệu quả và đặc biệt không có GV nào cho rằng việc sử dụng mô hình dạy học là không hiệu quả, điều này chứng tỏ sử dụng mô hình là có hiệu quả cao trong dạy học đối với lớp 2.

Về mức độ mức độ tự làm mô hình trong dạy học, kết quả khảo sát thể hiện ở hình 6, qua hình này cho thấy có 5 GV thường xuyên tự làm mô hình (chiếm 0,17 %), 21 GV thỉnh thoảng mới làm (tương ứng với 72,4%), 2 GV hiếm khi làm (tương ứng với 6,9 %) và có 1 GV là không bao giờ làm (tương ứng với 3,4 %), như vậy vẫn còn rất nhiều GV chưa tự làm mô hình trong dạy học trong chủ đề “Con người và sức khỏe” và vẫn còn nhiều GV chưa quen với việc sử dụng mô hình hay gặp khó khăn trong việc tìm kiếm và lựa chọn mô hình phù hợp.

Bên cạnh sử dụng phiếu khảo sát về dạy học bằng mô hình, chúng tôi đã tiến hành quan sát và lấy ý kiến của 29 GV đang đứng lớp tại Trường Tiểu học Thuận An 1, các ý kiến cung cấp nhận định về một số lợi ích nổi bật khi sử dụng mô hình dạy học là:

Giúp HS dễ hiểu, dễ nhớ kiến thức, mô hình trực quan giúp HS “thấy” được cái trừu tượng, “chạm” được cái khái quát.

Phát triển tư duy và khả năng liên kết, mô hình giúp HS hình thành tư duy logic, tư duy không gian và kỹ năng phân tích – tổng hợp. Đặc biệt với mô hình tư duy (sơ đồ tư duy), HS được rèn cách hệ thống, ghi nhớ và liên kết kiến thức.

Tăng hứng thú học tập, mô hình làm cho bài HS hoạt động, gần gũi, giảm sự nhàm chán. Giúp HS tham gia tích cực hơn vào hoạt động học, từ đó chủ động lĩnh hội kiến thức thay vì chỉ nghe giảng.

Góp phần phát triển năng lực toàn diện, rèn luyện năng lực quan sát, trình bày, hợp tác nhóm, phản biện... Dạy học bằng mô hình khuyến khích HS thử làm, thử sai, từ đó phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

Tăng hiệu quả ghi nhớ và vận dụng, học bằng mô hình thường gắn với hình ảnh, màu sắc nhằm kích thích trí nhớ thị giác. Giúp HS dễ dàng vận dụng kiến thức vào thực tế.

3.4. Khó khăn và hạn chế khi sử dụng mô hình dạy học

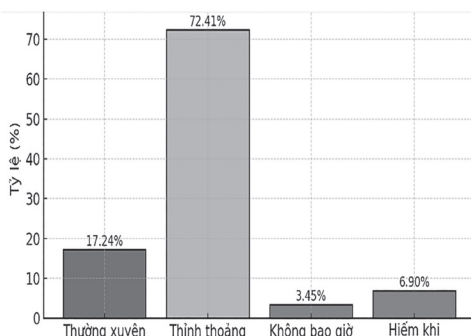
Hạn chế về cơ sở vật chất, thiếu mô hình trực quan, thiết bị hỗ trợ và thiếu đa dạng mô hình.

Hạn chế về năng lực sử dụng mô hình của GV, GV chưa được tập huấn đầy đủ về cách sử dụng mô hình hiệu quả. Thách thức trong việc tích hợp mô hình với phương pháp dạy học truyền thống. Thiếu sự gắn kết mô hình với hoạt động học tập cụ thể. Khả năng tiếp cận mô hình công nghệ như mô hình 3D, thực tế ảo (VR), mô phỏng số hóa còn hạn chế. Mô hình không tương tác hoặc đơn thuần chỉ là đồ trang trí.

Các trường tiểu học nên yêu cầu, khuyến khích và tạo điều kiện cho GV sử dụng mô hình trong dạy học đặc biệt là trong các môn học có nội dung trừu tượng hoặc khó hình dung. Việc sử dụng mô hình không chỉ giúp HS tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn mà còn tạo ra một môi trường học tập sinh động và hấp dẫn. Để thực hiện hiệu quả đề xuất này, các trường tiểu học cần tập trung vào xây dựng kế hoạch sử dụng mô hình, đồng thời cung cấp đầy đủ các mô hình và thiết bị cần thiết cho tiết học. Song hành với đó, nhà trường cần tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để GV làm quen trước với cách sử dụng mô hình và học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp.

3.5. Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học mô hình ở lớp 2

Trong quá trình dạy thực nghiệm tại trường Thuận An 1, chúng tôi nhận thấy để nâng cao chất lượng dạy học, GV cần tạo ra môi trường học tập an toàn và thoải mái, khuyến khích HS khám phá và đặt câu hỏi. Cần lựa chọn các hoạt động thực hành phù hợp với trình độ, khả năng của HS, hướng dẫn HS cách sử dụng các dụng cụ, vật liệu một cách chính xác, hiệu quả. GV nên khuyến khích HS làm việc nhóm, hợp tác với nhau để nâng cao chất lượng của việc thực hành, thao tác trên các đối tượng mô



Hình 3: Khảo sát mức độ tự làm mô hình trong dạy học GV ở trường Tiểu học Thuận An 1

hình. Cùng với đó, GV phải theo dõi sát sao và hỗ trợ kịp thời trong quá trình thực hành - đó là phương pháp thực hành thao tác trên các đối tượng mô hình, để rèn luyện kĩ năng thao tác “tay chân” và HS cần có phiếu và sách để hỗ trợ việc ghi nhớ quy trình thao tác trên đối tượng mô hình của cho từng bài học.

Bên cạnh đó, nhà trường cần lưu ý một số giải pháp để nâng cao chất lượng dạy học bằng mô hình như sau:

Đầu tư trang thiết bị, cải thiện điều kiện vật chất và tài nguyên giảng dạy, đầu tư mô hình trực quan về cơ thể người, vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng - đây là một kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng dạy học mà trường nào cũng nghĩ đến nhưng đồng thời, đây cũng là bài toán nan giải mà các trường tiểu học phải đối mặt. Khi giải quyết được bài toán này, đó sẽ là cơ hội để GV và HS phát triển được năng lực dạy và học với mô hình và sử dụng mô hình của mình. Các trường tiểu học nếu đầu tư đầy đủ các trang thiết bị và vật liệu cần thiết thì GV có thể dễ dàng thiết kế và sử dụng mô hình trong dạy học. Việc đầu tư này không chỉ giúp nâng cao chất lượng dạy và học mà còn tạo điều kiện cho GV phát huy tính sáng tạo và đổi mới trong phương pháp giảng dạy.

Bồi dưỡng năng lực sử dụng mô hình cho GV, tổ chức các lớp tập huấn về phương pháp hiệu quả. Cơ quan quản lý giáo dục nên tổ chức các buổi tập huấn cho GV từ các cấp độ cơ sở như khối, trường, quận,... về chủ đề sử dụng mô hình trong dạy học. Nội dung tập huấn là thảo luận về cách thiết kế, sử dụng và đánh giá hiệu quả của mô hình trong dạy học. Các buổi tập huấn này cần được thiết kế một cách bài bản và khoa học, đảm bảo cung cấp cho GV những kiến thức và kỹ năng cần thiết. Khuyến khích sử dụng mô hình số hóa, phần mềm giáo dục tương tác.

Cần cung cấp các kiến thức lý thuyết về mô hình cho GV. Bởi lẽ, GV là cầu nối quan trọng trong việc đưa mô hình đến với HS nên GV cần hiểu rõ về vai trò, lợi ích và các loại mô hình trong dạy học. Cung cấp đầy đủ thông tin về cách thiết kế và sử dụng mô hình. Tương ứng với mỗi bài học đều có mô hình phù hợp riêng biệt, GV cần được hướng dẫn cụ thể về cách thiết kế và sử dụng mô hình phù hợp với từng nội dung bài học. Sau khi sử dụng, cần hướng dẫn GV cách đánh giá hiệu quả của việc sử dụng mô hình mô hình. Hình thức đánh giá có thể thông qua việc quan sát, làm bài kiểm tra hay phỏng vấn HS. Ngoài ra, GV cần tận dụng các mô hình tự làm từ vật liệu đơn giản để hỗ trợ giảng dạy. Tận dụng nguồn lực tại địa phương: Tự làm mô hình từ vật liệu tái chế. Khuyến khích sự tham gia của phụ huynh: hỗ trợ làm mô hình tại nhà.

Xây dựng tài liệu hướng dẫn, bên cạnh các buổi tập huấn, cần xây dựng thêm các tài liệu hướng dẫn chi tiết về cách sử dụng mô hình trong dạy học bao gồm các ví dụ minh họa và các hoạt động thực hành cho GV. Tài liệu này cần được biên soạn một cách khoa học và dễ hiểu, phù hợp với trình độ của GV tiểu học. Nội dung trong tài liệu có thể bao gồm phần giới thiệu về các mô hình, hướng dẫn thiết kế mô hình, hướng dẫn sử dụng mô hình trong mỗi bài học và hướng dẫn cách đánh giá tính hiệu quả của mô hình với tiết học.

Chia sẻ kinh nghiệm, thực hành giảng dạy với mô hình trong các hội thảo chuyên đề. Đổi mới phương pháp dạy học với việc áp dụng dạy học theo hướng trải nghiệm (HS thao tác trực tiếp trên mô hình). Kết hợp trò chơi giáo dục, thí nghiệm nhỏ, bài tập tương tác với mô hình, lồng ghép STEM, công nghệ số để nâng cao tính trực quan và sinh động. Hợp tác và huy động nguồn lực xã hội, kết nối với doanh nghiệp, tổ chức giáo dục để tài trợ mô hình dạy học và tận dụng nguồn tài nguyên mở, kho học liệu số để hỗ trợ giảng dạy.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả kiến nghị nhà trường cần triển khai khảo sát mở rộng trên nhiều trường và địa bàn khác nhau, với số lượng HS và GV tham gia lớn hơn nhằm đánh giá chính xác hơn thực trạng và vai trò của việc sử dụng mô hình trong dạy học ở tiểu học, góp phần phát triển phẩm chất và năng lực HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

5. Kết luận

Tiếp cận mới trong dạy học bằng mô hình (như mô hình trực quan, mô hình vật thật, mô hình số, mô hình tư duy...) mang lại nhiều hiệu quả tích cực cho HS lớp 2 – độ tuổi đang ở giai đoạn tư duy cụ thể, học bằng mô hình, hình ảnh và trải nghiệm là chủ yếu. Kết quả thực nghiệm cũng cho thấy rằng sử dụng mô hình giúp HS dễ hiểu, dễ nhớ kiến thức, phát triển tư duy và khả năng liên kết, tăng hứng thú học tập và góp phần phát triển năng lực toàn diện cho HS. Trong các hoạt động học tập có sử dụng mô hình, HS đã có

cơ hội làm việc cùng nhau, chia sẻ ý tưởng và giải quyết các vấn đề một cách sáng tạo. Mô hình không chỉ là công cụ dạy học giúp HS tiếp thu kiến thức mà còn giúp các em hứng thú học tập, phát triển các kỹ năng quan trọng cho cuộc sống là ý thức bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình. Mặc dù, do hạn chế về thời gian và điều kiện nghiên cứu, quá trình thực nghiệm sư phạm và khảo sát mới chỉ thực hiện ở một số bài và một số lớp tại trường Tiểu học Thuận An 1, thành phố Huế, nhưng kết quả thực nghiệm đã phần nào khẳng định và đánh giá cao giá trị của việc sử dụng mô hình trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2. Mô hình không chỉ giúp nâng cao kết quả học tập và hứng thú học tập của HS mà còn góp phần phát triển các kỹ năng mềm và tạo ra một môi trường học tập tích cực.

Tài liệu tham khảo

- [1] American Association of Colleges of Teacher Education and the Partnership for 21st Century Skills (2019), *21st century knowledge and skills in educator preparation*, American.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Môn Tự nhiên và Xã hội*.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên tại cơ sở giáo dục tiểu học*.
- [4] Nguyễn Văn Cường (2015), *Lý luận dạy học hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Jerome S. Bruner (1966), *Toward a Theory of Instruction*, Cambridge, Mass., Belknap Press of Harvard University.
- [6] David A. Kolb (1984), *Experiential Learning: Experience As The Source Of Learning And Development*, Prentice-Hall.
- [7]. Mai Sỹ Tuấn (tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Phùng Thanh Huyền (2022), *Sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội 2 - Bộ sách Cánh Diều*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

NGHIÊN CỨU KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG NHÓM...

Tiếp theo trang 56

5. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, khoa học kỹ thuật phát triển, khối lượng kiến thức của nhân loại càng gia tăng thì yêu cầu làm việc theo nhóm là một xu thế làm việc rất phát triển và hiệu quả trong mọi lĩnh vực hoạt động. Bởi lẽ ngày nay không ai có thể tự nắm vững tất cả các thông tin của mọi lĩnh vực, điều đó có nghĩa không phải công việc nào, vấn đề nào hay tình huống nào... chúng ta đều có thể tự giải quyết hiệu quả. Vì vậy, làm việc theo nhóm hay hoạt động cùng nhau trong nhóm giúp ta tập trung sức mạnh của nhiều người nhằm đảm bảo tính hiệu quả của công việc, phát huy tối đa năng lực của cá nhân, tìm ra giải pháp để giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng... Nhóm không chỉ là môi trường giúp cho cá nhân phát triển mà nó còn là công cụ đổi mới và phát triển xã hội. Kết quả khảo sát thực trạng KNHĐN trong học tập của SV ngành Cơ điện tử, Trường Cơ khí - Ô tô cho thấy, nhận thức của SV về KNHĐN và các KN bộ phận trong học tập đều ở mức trung bình. Mặc dù chưa được trang bị một cách bài bản và hệ thống những kiến thức về KNHĐN trong học tập nhưng mức độ biểu hiện các KN bộ phận của KNHĐN trong học tập của SV đều ở mức cao. Trong các KN bộ phận của KNHĐN trong học tập thì KN hợp tác chia sẻ được SV biểu hiện cao nhất, tiếp theo là KN giải quyết vấn đề, KN lắng nghe và KN thảo luận, cuối cùng là KN thuyết trình. Việc thực hiện một số giải pháp trên sẽ góp phần quan trọng trong hình thành và phát triển KNHĐN cho SV ngành Cơ điện tử, Khoa Cơ điện tử, Trường Cơ khí - Ô tô, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Lan Hương (2019), *Vai trò của thiết kế trong đời sống xã hội*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [2] Trần Thị Bích Nga, Phan Ngọc Sáu, Nguyễn Thu Hà (biên dịch, 2006), *Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tự học suốt đời*, NXB Thời đại, Hà Nội.
- [4] Đinh Thị Nguyệt (2010), *Quản lý quá trình “tự học” của sinh viên mỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng dạy học, Hội thảo “Giáo dục nghệ thuật và cuộc sống”*, Trường Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Cảnh Toàn (2011), *Xã hội học tập, học suốt đời và các kỹ năng tự học*, NXB Dân trí, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Hiền Lê (2003), *Tự học - một nhu cầu thời đại*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.